

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN&PTNT-CNTY
V/v đề xuất tham gia thực hiện dự án
“Thực phẩm nông nghiệp an toàn Việt
Nam” trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa sử
dụng vốn vay của WB.

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

Kính gửi: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Vấn đề an toàn thực phẩm (ATTP), đặc biệt là thực phẩm nông nghiệp đang là vướng mắc hàng đầu trong việc cạnh tranh của nền kinh tế không chỉ riêng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa mà trong cả nước. Thời gian qua việc đảm bảo an toàn thực phẩm đã được Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo quyết liệt và xem công tác đảm bảo ATTP là một vấn đề có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế, xã hội, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường của tỉnh. Ở tỉnh ta sản xuất nông nghiệp đã đạt được những kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 3,0%/năm, quy mô giá trị sản xuất ước đạt 29.071 tỷ đồng, tăng 1,15 lần so với năm 2015, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh, chính trị của tỉnh. Tuy nhiên, việc đảm bảo an toàn thực phẩm vẫn còn nhiều tồn tại, bởi ý thức chấp hành pháp luật về an toàn thực phẩm, trách nhiệm của người sản xuất đối với sức khỏe của người tiêu dùng chưa cao và một phần là người sản xuất chạy theo lợi nhuận trước mắt.

Qua nghiên cứu nội dung Dự án “Thực phẩm nông nghiệp an toàn Việt Nam” do Bộ Nông nghiệp và PTNT và Ngân hàng Thế giới chủ trì đề xuất, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy việc triển khai dự án nêu trên thật sự cấp thiết và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh; để tiếp tục phát huy những thành quả đạt được của Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vệ sinh ATTP đến năm 2020 và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với mục tiêu xây dựng ngành nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao. Sở Nông nghiệp và PTNT đã nghiên cứu xây dựng dự thảo nội dung Dự án: “Thực phẩm nông nghiệp an toàn tỉnh Thanh Hóa”, dự kiến vay vốn của Ngân hàng Thế giới (*có dự thảo đề xuất Dự án kèm theo*).

Đây là dự án rất cần thiết, mang lại hiệu quả lớn đối với ngành nông nghiệp và góp phần đảm bảo an toàn thực phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh. Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, đề xuất Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ngân hàng Thế giới (WB) cho tỉnh Thanh Hóa tham gia dự án “Thực phẩm nông nghiệp an toàn tỉnh Thanh Hóa” sử dụng vốn vay Ngân hàng Thế giới (WB) giai đoạn 2021-2027.

Kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Lê Đức Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

**ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN THỰC PHẨM NÔNG NGHIỆP AN TOÀN
TỈNH THANH HÓA**

Thanh Hóa, Tháng 09 năm 2020

ĐỀ XUẤT
DỰ ÁN THỰC PHẨM NÔNG NGHIỆP AN TOÀN
TỈNH THANH HÓA

I. NHỮNG THÔNG TIN CHỦ YẾU

1. Tên Dự án: “Thực phẩm nông nghiệp an toàn tỉnh Thanh Hóa”

Project: "Safe agricultural food in Thanh Hóa province"

2. Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: 35 Đại lộ Lê Lợi, phường Lam Sơn, thành phố Thanh Hóa

3. Nhà tài trợ dự kiến: Ngân hàng Thế giới (WB)

II. CƠ SỞ ĐỀ XUẤT

1. Tầm quan trọng, sự cần thiết và tính khả thi của Dự án

1.1. Tầm quan trọng và sự cần thiết

Theo Báo cáo đánh giá nguy cơ an toàn thực phẩm ở Việt Nam của Ngân hàng Thế giới (WB) - Những thách thức và cơ hội về quản lý an toàn thực phẩm tại Việt Nam gửi Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam, năm 2017: Vấn đề an toàn thực phẩm (ATTP) ngày càng là vấn đề điểm nóng của toàn xã hội, là mối quan tâm lớn của công chúng với mức lo ngại ngày càng tăng cao mỗi khi xảy ra một sự vụ về ATTP. Rất khó có thể đánh giá được các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm dù ở bất cứ nước nào, nhưng mức độ nhiễm bẩn trong các sản phẩm thực phẩm ở Việt Nam tiêu thụ trên thị trường nội địa đã cho thấy mối lo ngại với thực phẩm không an toàn của cộng đồng và các vấn đề thương mại liên quan là có cơ sở. Hơn nữa, khi con người sử dụng thực phẩm không an toàn, việc ảnh hưởng đến sức khỏe thường không có biểu hiện ngay mà tích tụ từ từ, rất khó phát hiện và dẫn đến các bệnh về đường ruột, ngộ độc tập thể, các bệnh mãn tính như ung thư...vv rất nguy hiểm đến tính mạng hoặc phải chi phí y tế rất tốn kém.

Thanh Hoá nằm ở cực Bắc Miền Trung, cách Thủ đô Hà Nội 150 km về phía Nam, cách Thành phố Hồ Chí Minh 1.560km. Phía Bắc giáp với ba tỉnh Sơn La, Hoà Bình và Ninh Bình, phía Nam giáp tỉnh Nghệ An, phía Tây giáp tỉnh Hòa Phấn (nước Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào), phía Đông là Vịnh Bắc Bộ. Thanh Hoá nằm trong vùng ảnh hưởng của những tác động từ vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, các tỉnh Bắc Lào và vùng trọng điểm kinh tế Trung bộ, ở vị trí cửa ngõ nối liền Bắc Bộ với Trung Bộ, có hệ thống giao thông thuận lợi như: đường sắt xuyên Việt, đường Hồ Chí Minh, các quốc lộ 1A, 10, 45, 47, 217; cảng biển nước sâu Nghi Sơn và hệ thống sông ngòi thuận tiện cho lưu thông Bắc Nam, với các vùng trong tỉnh và đi quốc tế; có bãi tắm Sầm Sơn nổi tiếng và các khu nghỉ mát khác như Hải Tiên (Hoàng Hóa) và Hải Hòa (Tĩnh Gia)... ; Có những vùng đất đai rộng lớn thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản và các khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế biển; có những vùng đất đai rộng lớn thuận lợi cho việc nuôi trồng thủy sản và các khu công nghiệp, dịch vụ kinh tế biển. Hiện tại, Thanh Hóa có sân bay Sao Vàng và đang dự kiến mở thêm sân bay quốc tế sát biển phục vụ Khu kinh tế Nghi Sơn và khách du lịch.

Tính đến năm 2019, dân số toàn tỉnh Thanh Hóa là 3.640.128 người; mật độ dân số của tỉnh là 328 người/km² ; có 7 dân tộc anh em sinh sống, đó là: Kinh, Mường, Thái,

H'mông, Dao, Thổ, Khơ Mú Trong đó người dân tộc Kinh chiếm 81,7% dân số toàn tỉnh, còn lại là dân tộc ít người. Các dân tộc ít người sống chủ yếu ở các huyện vùng núi cao và biên giới.

Sản xuất Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa trong những năm qua đã đạt được những kết quả khá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, tốc độ tăng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016 - 2020 ước đạt 3,0%/năm, quy mô giá trị sản xuất ước đạt 29.071 tỷ đồng, tăng 1,15 lần so với năm 2015, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội và ổn định an ninh, chính trị của tỉnh. Nền nông nghiệp sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, công nghệ cao đang từng bước được hình thành. Một số sản phẩm nông sản, thực phẩm đã và đang trở thành hàng hóa chủ lực có lợi thế của tỉnh đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân trên cả nước và phục vụ xuất khẩu, như: sản phẩm lúa gạo (sản lượng đạt 1,35 triệu tấn/năm); sản phẩm rau các loại (sản lượng đạt khoảng 500 nghìn tấn/năm); sản phẩm cây ăn quả (sản lượng đạt 13.450 tấn/năm); sản phẩm thịt gia súc, gia cầm (sản lượng thịt hơi đạt 222,8 nghìn tấn/năm); sản phẩm thủy sản (sản lượng thủy sản nuôi đạt 51.081 tấn/năm; thủy sản khai thác đạt 109 nghìn tấn/năm); sản phẩm mía đường (sản lượng đạt 1,527 triệu tấn mía nguyên liệu/năm)...

Song song với phát triển sản xuất, công tác đảm bảo an toàn thực phẩm (ATTP) nói chung và công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản nói riêng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa luôn được các cấp ủy đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức đoàn thể quan tâm chỉ đạo, triển khai thực hiện quyết liệt và đạt được nhiều kết quả quan trọng: hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn về quản lý ATTP cơ bản được hoàn thiện, đáp ứng yêu cầu về quản lý ATTP trên địa bàn tỉnh. Đặc biệt, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác vệ sinh ATTP đến năm 2020; tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ATTP được thành lập và kiện toàn từ cấp tỉnh đến cấp xã. Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý của các ngành, các cấp rõ ràng, phát huy được tính chủ động trong thực hiện nhiệm vụ; công tác thông tin tuyên truyền, đào tạo tập huấn được đẩy mạnh, góp phần tích cực nâng cao nhận thức và chuyển biến hành động của các cơ sở (đơn vị) sản xuất, kinh doanh và nhân dân, thúc đẩy sản xuất thực phẩm sạch, an toàn; công tác kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, liên ngành và xử lý vi phạm về ATTP đã phát huy hiệu quả và đang chuyển hướng sang thanh tra đột xuất; công tác kiểm tra, hậu kiểm ngày càng được chú trọng, tăng cường; một số địa phương trong tỉnh đã tổ chức mở rộng quy mô sản xuất, đẩy mạnh liên kết sản xuất với tiêu thụ nông sản thực phẩm chất lượng an toàn, thu hút được nhiều doanh nghiệp có uy tín trong và ngoài tỉnh đầu tư, đưa tỷ lệ nông sản phẩm tiêu dùng trên địa bàn tỉnh được cung cấp qua các chuỗi liên kết sản xuất, cung ứng thực phẩm an toàn có xác nhận đạt 34,5% (trong đó gạo đạt 17,87%; rau, củ, quả đạt 53,1%; số chuỗi cung ứng lúa gạo là 193 chuỗi; chuỗi cung ứng rau, quả là 219 chuỗi);...

Bên cạnh những kết quả trên công tác đảm bảo ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh, vấn đề quản lý và giải quyết các nguy cơ mất ATTP của tỉnh hiện nay gặp phải nhiều tồn tại, khó khăn, thách thức sau đây:

- Phần lớn các loại nông sản thực phẩm tiêu thụ tại tỉnh chủ yếu là thông qua chợ đầu mối sau đó phân phối lại qua các kênh chợ truyền thống, các hộ kinh doanh nhỏ lẻ; sản lượng được phân phối qua hệ thống các siêu thị, công ty, cửa hàng chuyên doanh, cửa hàng tiện ích còn chiếm tỷ lệ thấp.

- Sản xuất nông nghiệp tập trung chưa nhiều, còn nhỏ lẻ, manh mún, do điều kiện và tư duy hình thức sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ, còn hạn chế về việc quan tâm đến sức khỏe và lợi ích cộng đồng nên các cơ sở sản xuất kinh doanh có nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm vẫn là rất lớn; xây dựng và phát triển các chuỗi liên kết sản xuất, tiêu thụ thực phẩm an toàn chủ yếu ở quy mô nhỏ với số lượng cơ sở tham gia còn hạn chế và chưa có sự ràng buộc giữa các bên nên liên kết chuỗi không bền vững, sản lượng sản phẩm của chuỗi thấp. Thực tế, thực phẩm nông lâm thủy sản không rõ nguồn gốc xuất xứ, kém chất lượng, không an toàn lưu thông trên thị trường vẫn còn nhiều.

- Mặc dù các cơ sở sản xuất, kinh doanh được cơ quan quản lý tập huấn, hướng dẫn về việc đảm bảo an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh nhưng lượng người chưa được tập huấn còn nhiều, ý thức chấp hành quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm của người sản xuất, kinh doanh chưa cao;

- Với mức thu nhập còn thấp, thói quen tiêu dùng và nhận thức về an toàn thực phẩm của đa số người tiêu dùng còn hạn chế nên dễ chấp nhận việc sử dụng những sản phẩm và đồ bao gói không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc không bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thói quen lạm dụng, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, thuốc kích thích sinh trưởng trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; sử dụng phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến trong chế biến thực phẩm không đúng quy trình, quy định, không rõ nguồn gốc còn khá phổ biến.

- Việc giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ và kinh doanh sản phẩm tươi sống chưa đảm bảo vệ sinh thú y và ATTP vẫn còn nhiều. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất nông lâm thủy sản nhỏ lẻ chưa đáp ứng điều kiện bảo đảm ATTP cao.

1.2. Những nỗ lực đã thực hiện để giải quyết vấn đề

1.2.1 Phân công quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh

Hiện nay, theo quy định hiện hành, công tác quản lý nhà nước về ATTP phân công cho 3 Bộ là Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công thương, cơ quan thường trực là Bộ Y tế. Theo đó, nhiệm vụ quản lý nhà nước về ATTP tại các địa phương phân công cho các sở là Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Công thương, trong đó Sở Y tế là Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành An toàn vệ sinh thực phẩm. Các Sở này thực hiện công tác quản lý nhà nước các ngành hàng theo phân công.

Đối với tỉnh Thanh Hóa từ năm 2016, Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 04/NQ-TU, ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Hệ thống tổ chức, bộ máy về quản lý ATTP nông lâm thủy sản từ cấp tỉnh đến cấp xã được thành lập, kiện toàn và phân công, phân cấp trách nhiệm rõ ràng, không chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ, cụ thể:

a) Đối với cấp tỉnh

- UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP tỉnh (Ban chỉ đạo) gồm Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng ban, 03 Phó Chủ tịch UBND tỉnh phụ trách lĩnh

vực: Y tế, Nông nghiệp và PTNT, Công Thương là Phó Trưởng ban, thành viên Ban Chỉ đạo là giám đốc các sở, trưởng các ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức, đoàn thể liên quan; thành lập Văn phòng điều phối về vệ sinh ATTP tỉnh gồm 12 cán bộ, công chức, lao động hợp đồng để thực hiện nhiệm vụ giúp Ban chỉ đạo, Trưởng Ban chỉ đạo quản lý tổ chức thực hiện công tác đảm bảo vệ sinh ATTP chung trên địa bàn tỉnh.

- Về công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản: Sở Nông nghiệp và PTNT là cơ quan tham mưu trực tiếp cho UBND tỉnh về công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh. Nhiệm vụ này được phân công cho các đơn vị trực thuộc Sở gồm Chi cục: Quản lý chất lượng Nông Lâm sản và Thủy sản, Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Thủy sản. Sở đã ban hành Quyết định số 552/QĐ-SNN&PTNT ngày 22/8/2019 về phân công nhiệm vụ quản lý các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản cho các Chi cục trực thuộc Sở, cụ thể:

+ Chi cục Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản là cơ quan đầu mối, chịu trách nhiệm giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về chất lượng ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, kinh doanh, chế biến thương mại nông lâm thủy sản và muối tại địa phương; trực tiếp quản lý các cơ sở sản xuất, sơ chế, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc trách nhiệm quản lý của ngành nông nghiệp (*trừ các cơ sở đã phân công quản lý cho các Chi cục: Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Thủy sản*). Chi cục được giao 14 biên chế công chức và 02 lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000, phân công theo vị trí, chức năng nhiệm vụ như sau: công tác quản lý 03 người; phòng Quản lý Chất lượng nông lâm thủy sản và muối 04 người; phòng Chế biến thương mại 02 người; phòng Thanh tra pháp chế 03 người; phòng Hành chính tổng hợp 04 người. Cán bộ thực hiện nhiệm vụ có trình độ chuyên môn phù hợp và được đào tạo, tập huấn nghiệp vụ bước đầu đáp ứng yêu cầu thực thi nhiệm vụ.

+ Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tham mưu giám đốc Sở quản lý các cơ sở trồng trọt (kể cả cơ sở trồng trọt có hoạt động sơ chế được thực hiện tại cơ sở). Chi cục Chăn nuôi và Thú y quản lý đối với cơ sở chăn nuôi và cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm. Chi cục Thủy sản quản lý đối với các cảng cá, tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản. Các chi cục đều không có phòng quản lý chất lượng, ATTP mà lồng ghép nhiệm vụ quản lý chất lượng ATTP thuộc lĩnh vực phụ trách vào các phòng chuyên môn và phân công 01 đồng chí Phó Chi cục trưởng phụ trách.

b) Cấp huyện, thị xã, thành phố (cấp huyện)

UBND các huyện, thị xã, thành phố đều thành lập Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP cấp huyện do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban; thành lập Văn phòng điều phối về vệ sinh ATTP cấp huyện để quản lý chung về công tác đảm bảo ATTP trên địa bàn huyện.

Công tác quản lý chất lượng ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn huyện được giao trực tiếp cho Phòng Nông nghiệp & PTNT/Kinh tế. Mỗi phòng phân công 01 cán bộ thực hiện các nhiệm vụ về công tác quản lý chất lượng ATTP nông, lâm, thủy sản; tuy nhiên các cán bộ này đều kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và không ổn định, đào

tạo chưa được bài bản, nhất là nghiệp vụ kiểm tra, lấy mẫu dẫn đến hiệu quả tham mưu chưa đáp ứng yêu cầu. Các huyện đều đã thành lập Trung tâm dịch vụ nông nghiệp ngoài thực hiện chủ yếu nhiệm vụ chuyên môn thuộc các lĩnh vực như thú y, bảo vệ thực vật, còn tham mưu về công tác quản lý chất lượng ATTP còn hạn chế.

c) Cấp xã, phường, thị trấn (cấp xã)

UBND các xã, phường, thị trấn đều thành lập Ban Chỉ đạo về quản lý vệ sinh ATTP cấp xã do đồng chí Chủ tịch UBND làm Trưởng Ban; thành lập Ban Nông nghiệp, Tổ giám sát ATTP thôn/bản/phố để tham mưu cho UBND xã, Chủ tịch UBND xã trong việc chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ trong trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, đánh bắt, thu hái... trên địa bàn. Các Ban Nông nghiệp xã, Tổ giám sát đều ban hành quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên. Tuy nhiên, hoạt động chỉ mang tính hình thức, chưa thực sự hiệu quả, cán bộ đều kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ và không ổn định, đa phần chưa qua đào tạo, chưa có chính sách hỗ trợ cho cán bộ thực hiện nhiệm vụ.

Nhìn chung, hệ thống bộ máy quản lý chất lượng, ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp của tỉnh từ các cơ quan chuyên môn của tỉnh đến cấp huyện, xã hiện thiếu về số lượng và hạn chế về năng lực. Cơ quan có chức năng, nhiệm vụ là đầu mối chính về quản lý chất lượng, ATTP là Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chỉ có 16 người (thiếu 6 người so với đề án vị trí việc làm được duyệt), chưa có hệ thống Trạm quản lý tại các huyện (Vùng) hoặc liên huyện, lực lượng mỏng, địa bàn rộng nên khó khăn trong hoạt động. Với cấp huyện, xã, nhiệm vụ quản lý ATTP do đặc thù sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, manh mún, nhiều chủng loại sản phẩm nông nghiệp nhưng chưa được quan tâm đúng mức, hoạt động còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

1.2.2. Kết quả đạt được trong công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh

Trong những năm qua tỉnh Thanh Hóa triển khai quyết liệt có trọng tâm, trọng điểm các giải pháp: tăng cường hoạt động thông tin, giáo dục, truyền thông; nâng cao chất lượng bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; lấy mẫu giám sát chất lượng thực phẩm; thanh tra, kiểm tra; triển khai Nghị quyết số 04/NQ-TU, ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020. Đến nay, công tác bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh đã đạt được một số kết quả nhất định.

a) Công tác thông tin, giáo dục, truyền thông

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục chính sách pháp luật về an toàn thực phẩm thường xuyên được chú trọng, tăng cường với nhiều hình thức phong phú, đa dạng như: tổ chức 572 hội nghị tuyên truyền với số lượng 38.912 người tham dự, phát hành 800 tin bài, phóng sự; in phát 2.062 băng rôn, áp phích, tờ phướn, 500.000 tờ rơi, tờ gấp; phát hành 300 băng đĩa; cấp phát 604 bộ tài liệu tuyên truyền về công tác bảo đảm ATTP nông lâm thủy sản; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh phát sóng hơn 100 chuyên mục “*Nói không với thực phẩm bẩn*”, thực hiện 727 phóng sự, 750 tin, bài liên quan đến công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Văn phòng điều phối về vệ sinh ATTP tỉnh in ấn, cấp phát, lắp đặt 2.240 áo phông tuyên truyền, 2.560 cuốn “Sổ tay quy trình kỹ thuật

chăn nuôi, trồng trọt”, 160 poster tuyên truyền “10 nguyên tắc vàng trong chế biến thực phẩm an toàn”, 160 bảng khung tuyên truyền khẩu hiệu “Nói không với thực phẩm bẩn” và 160 băng rôn tuyên truyền về ATTP cấp cho 32 xã, thị trấn xây dựng mô hình thí điểm an toàn thực phẩm, Báo Thanh Hóa, Báo Văn hóa và Đời sống, cơ quan thường trú Thông tấn xã Việt Nam tại Thanh Hóa thường xuyên đưa tin các mô hình điển hình về ATTP, sản phẩm thực phẩm an toàn, tuyên truyền về phần mềm kết nối cung cầu nông sản an toàn tại các chuyên đề, tin bài, phóng sự về ATTP. UBND cấp huyện, UBND cấp xã đã phát hành 63.000 tờ rơi, 1.050 tranh, 4.475 băng rôn, khẩu hiệu, áp phích; 24.928 phóng sự, bản tin trên đài truyền thanh; 243 tin, bài trên báo viết tuyên truyền về công tác đảm bảo ATTP và các quy định về quản lý ATTP.

b) Về đào tạo, tập huấn

Để nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng ATTP nông lâm thủy sản, nâng cao kiến thức, nhận thức chấp hành pháp luật về ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, các Sở ban ngành, UBND huyện, thị xã, thành phố đã thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn. Trong giai đoạn 2016-2020, Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức 200 lớp đào tạo, tập huấn với 15.000 người tham dự; 52 lớp tập huấn, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật, nghiệp vụ kiểm tra, giám sát và quản lý nhà nước về ATTP cho hơn 3.600 lượt cán bộ, công chức từ cấp tỉnh đến cấp xã; 02 lớp đào tạo thanh tra chuyên ngành cho 120 công chức, viên chức các huyện, xã thực hiện thí điểm thanh tra chuyên ngành về ATTP; 65 lớp tập huấn sử dụng phần mềm hệ thống thông tin quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm, phần mềm kết nối cung cầu nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh. Văn phòng điều phối về vệ sinh ATTP tỉnh đã tổ chức 36 lớp tập huấn công tác quản lý nhà nước về ATTP cho 2.800 học viên là thành viên Ban Chỉ đạo, Văn phòng điều phối cấp huyện; tổ giám sát cộng đồng thôn, tổ giám sát tại chợ, các tổ chức chính trị xã hội cấp xã, người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc các xã, thị trấn triển khai thực hiện mô hình thí điểm ATTP. UBND các huyện, thị xã, thành phố đã tổ chức 3.400 hội nghị, hội thảo, buổi nói chuyện cho gần 40.000 lượt người; hơn 6.000 lớp tập huấn, hội thảo, hội nghị về ATTP cho gần 200.000 lượt cán bộ quản lý, hội viên, đoàn viên các tổ chức đoàn thể và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

c) Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra được tập trung đẩy mạnh giúp ngăn chặn, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm nhiều vụ vi phạm về an toàn thực phẩm, tịch thu tiêu hủy nhiều sản phẩm không an toàn, không rõ nguồn gốc, công khai tên cơ sở vi phạm qua đó tạo sức răn đe đối với cơ sở vi phạm, giúp người tiêu dùng nhận biết sản phẩm vi phạm để không sử dụng, cụ thể:

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã thành lập 72 Đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên ngành, kiểm tra đột xuất về ATTP nông lâm thủy sản đối với 641 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản, trong đó: 51 Đoàn Thanh tra, kiểm tra liên ngành, chuyên ngành theo kế hoạch; 21 Đoàn thanh tra, kiểm tra chuyên ngành đột xuất. Kết quả: có 564/641 cơ sở đạt yêu cầu, 77/641 cơ sở vi phạm (*chiếm 12%*) và bị xử lý vi phạm hành chính với số tiền xử phạt là 442 triệu đồng. Phối hợp với lực lượng liên ngành Công an, Quản lý thị trường, Cảnh sát giao thông và UBND các huyện, thị xã, thành phố phát hiện, xử lý 83 trường hợp vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trái phép, xử phạt vi phạm với số tiền 243 triệu đồng, tiêu hủy hơn 121 tấn lợn bệnh, lợn và sản phẩm động vật không có nguồn gốc.

- Cục Quản lý thị trường tỉnh đã kiểm tra, xử lý 1.058 vụ vi phạm về ATTP, xử phạt vi phạm gần 1.730 triệu đồng; tịch thu, tiêu hủy 1,3 tấn thịt gia súc và thực phẩm các loại, trên 41.400 kg sản phẩm động vật. Công an tỉnh phát hiện, kiểm tra và xử lý 262 vụ việc vi phạm về ATTP, phạt tiền trên 925 triệu đồng; buộc tiêu hủy trên 340 con lợn và 170 kg thịt lợn nhiễm dịch tả lợn Châu Phi.

- UBND các huyện, thị xã, thành phố thực hiện kiểm tra liên ngành, chuyên ngành ATTP đối với 57.400 lượt cơ sở sản xuất, kinh doanh, phát hiện 5.573 cơ sở vi phạm (chiếm 9,7%), phạt tiền 2.766 cơ sở với số tiền trên 5.500 triệu đồng, nhắc nhở, cảnh cáo 2.798 cơ sở. Các nội dung vi phạm chủ yếu được phát hiện trong quá trình thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, đó là: điều kiện vệ sinh cơ sở, trang thiết bị không đáp ứng yêu cầu; không có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; bảo quản thực phẩm, thực hành ATTP không đúng quy định; kinh doanh thực phẩm hết hạn sử dụng, không rõ nguồn gốc xuất xứ;...

- Hoạt động thanh tra, kiểm tra chất lượng vật tư nông nghiệp đưa vào sản xuất thực phẩm được quan tâm triển khai thực hiện hiệu quả. Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức thanh tra, kiểm tra đối với 1.807 cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, phát hiện và xử lý vi phạm đối với 244 cơ sở vi phạm (chiếm 13,5%) với tổng số tiền phạt là 1.068,569 triệu đồng. Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phân bón đối với công ty CP công nông nghiệp Tiên Nông, phạt tiền 162 triệu đồng.

- Thực hiện Quyết định số 47/2018/QĐ-TTg ngày 26/11/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm triển khai thanh tra chuyên ngành ATTP tại huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và xã phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thành phố của 09 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai, ngày 29/01/2019 UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Kế hoạch số 26/KH-UBND về việc triển khai thí điểm thanh tra chuyên ngành ATTP tại 06 huyện/thành phố (gồm TP Thanh Hóa, TP Sầm Sơn, Thọ Xuân, Nga Sơn, Tĩnh Gia và Hoàng Hóa) và 30 xã phường trực thuộc kết quả: sau 1 năm triển khai thực hiện đã tổ chức được 49 đoàn thanh tra tại 542 cơ sở; Số cơ sở vi phạm bị xử lý: 112 cơ sở, tổng số tiền xử phạt 428.700.000 đồng.

d) Giám sát an toàn thực phẩm

Công tác kiểm soát, ngăn ngừa sử dụng chất cấm, kiểm soát dư lượng hóa chất, kháng sinh, thuốc bảo vệ thực vật đã được các cơ quan quản lý nhà nước về ATTP tích cực triển khai thực hiện; chủ động lấy mẫu để giám sát nguy cơ ô nhiễm thực phẩm, kịp thời ngăn chặn các sản phẩm thực phẩm không đảm bảo an toàn lưu thông trên thị trường. Sở Nông nghiệp và PTNT đã lấy 9.642 mẫu giám sát đối với sản phẩm nông, lâm, thủy sản, trong đó: 9.244 mẫu đạt yêu cầu, 398 mẫu vi phạm (chiếm 4,1 %); đến nay không phát hiện chất kích thích tăng trưởng, kháng sinh cấm trong mẫu thịt gia súc, gia cầm. Các cơ quan quản lý cấp huyện lấy 5.694 mẫu giám sát ATTP, phát hiện 288 mẫu vi phạm (chiếm 5,1%).

e) Công tác xây dựng và phát triển “Chuỗi thực phẩm an toàn”

- Đến nay, toàn tỉnh đã xây dựng được 783 chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn gồm: gồm 32 chuỗi do Sở NN&PTNT xây dựng, 751 chuỗi do UBND cấp huyện xây dựng; trong đó có: 193 chuỗi cung ứng lúa, gạo; 219 chuỗi cung ứng rau, quả; 269 chuỗi cung ứng thịt gia súc, gia cầm, trứng gia cầm; 102 chuỗi cung ứng thủy sản và các sản

phẩm từ thủy sản (tăng 727 chuỗi so với năm 2016); hàng năm, cung ứng ra thị trường khoảng 362.600 tấn sản phẩm thực phẩm các loại; trong đó có 357 chuỗi, 254.500 tấn sản phẩm thực phẩm, 2,2 triệu lít nước mắm, 7,5 triệu quả trứng gia cầm được xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn.

- Đã xác nhận 30 chuỗi sản phẩm cung ứng thực phẩm an toàn theo Quyết định số 3075/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/7/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc “Hướng dẫn xác nhận sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn”, trong đó: 02 chuỗi cung ứng gạo, sản lượng cung ứng ra thị trường hàng năm ước đạt 500 tấn gạo; 10 chuỗi thịt và sản phẩm từ thịt gia súc, gia cầm; trứng gia cầm (09 chuỗi thịt, sản lượng cung ứng ra thị trường hàng năm ước đạt 1.500 tấn thịt và 01 chuỗi trứng gia cầm 3.600.000 quả); 07 chuỗi thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, sản lượng cung ứng ra thị trường hàng năm ước đạt 2.400 tấn sản phẩm thủy sản; 11 chuỗi rau, củ, quả, sản lượng cung ứng ra thị trường hàng năm ước đạt 940 tấn rau, củ, quả.

g) Công tác hỗ trợ quảng bá xây dựng thương hiệu, hỗ trợ kết nối cung cầu nông sản thực phẩm an toàn

Sở Nông nghiệp và PTNT đã tích cực đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu nông sản thực phẩm. Hàng năm, Sở đã tham mưu cho UBND tỉnh tham gia các hội chợ do các bộ, ngành Trung ương và các địa phương tổ chức thường niên; tham mưu tổ chức 03 hội nghị kết nối cung cầu và giới thiệu sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn với 282 gian hàng của 274 đơn vị tham gia trưng bày các sản phẩm thực phẩm an toàn, có lợi thế của các vùng, miền, địa phương trong tỉnh. Thông qua hoạt động kết nối cung cầu, các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm của tỉnh được giao lưu, quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm an toàn tới các tỉnh, thành trong cả nước và đã có 90 hợp đồng được ký kết. Nhiều sản phẩm của tỉnh đã tìm được đầu ra ổn định thông qua hệ thống các siêu thị và cửa hàng kinh doanh thực phẩm an toàn, từng bước đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của nhân dân trong tỉnh và đem lại hiệu quả kinh tế thiết thực cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, như: rau an toàn của xã Hoàng Hợp - Hoàng Hóa, thị trấn Vạn Hà - Thiệu Hóa, xã Quảng Thắng - TP Thanh Hóa; trứng gia cầm của Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hiền Nhuận; Nước mắm Ba Làng – Tĩnh Gia; thịt lợn an toàn của Công ty TNHH thực phẩm sạch Đức Tàn, Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Quảng Hường...; Sở Công Thương đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng các điểm bán hàng với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam” nhằm phát triển hệ thống phân phối theo chuỗi liên kết, tạo điều kiện cho người tiêu dùng, nhất là người dân vùng cao được tiếp cận với các sản phẩm thực phẩm an toàn của tỉnh.

Với mục tiêu đẩy mạnh tiêu thụ nông sản, thực phẩm trên môi trường mạng, giúp người tiêu dùng dễ dàng kiểm tra, truy xuất nguồn gốc, xây dựng niềm tin, tạo thương hiệu cho nông sản, thực phẩm của tỉnh, Văn phòng điều phối về vệ sinh ATTP tỉnh đã tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng phần mềm kết nối cung cầu sản phẩm nông sản, thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh, có địa chỉ truy cập <https://nongsanantoanthanhhoa.vn>. Đến nay, sau hơn 01 năm triển khai, vận hành, đã có hơn 500 cơ sở sản xuất, kinh doanh với gần 300 mặt hàng nông sản, thực phẩm đăng ký giao dịch trên phần mềm.

Đến nay, toàn tỉnh có 209 nhãn hiệu được cấp văn bằng bảo hộ cho các sản phẩm lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản; 4 sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý: “Mắm

tôm Hậu Lộc”, “Chiều cói Nga Sơn”, “Bưởi Luận Văn”, “Quế ngọc Thường Xuân”; 07 nhãn hiệu tập thể: “Nước mắm Khúc Phụ”, “Nước mắm Do Xuyên - Ba Làng”, “Bánh gai Tứ Trụ”, “Nón Lá Trường Giang”, “Tơ Hồng Đô”; “Kẹo nhãn thị trấn Lang Chánh”, “Miến gạo Thăng Long”; 23 sản phẩm được công nhận bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ...

Toàn tỉnh đã lựa chọn đánh giá xếp hạng được 30 sản phẩm đạt chuẩn sản phẩm OCOP cấp tỉnh, dự kiến đến hết năm 2020, toàn tỉnh sẽ có 53 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh và 01 sản phẩm được đề xuất sản phẩm quốc gia.

1.3. Các Chương trình, dự án đã và đang thực hiện

- Nghị quyết số 04/NQ-TU, ngày 18/8/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020; UBND tỉnh Thanh Hóa đã ban hành Quyết định số 3517/QĐ-UBND, ngày 14/9/2016 về ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 18/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn tỉnh đến năm 2020.

- Dự án Cạnh tranh ngành chăn nuôi và an toàn thực phẩm (LIFSAP): Sử dụng vốn tài trợ WB do Bộ Nông nghiệp và PTNT là đơn vị chủ quản dự án, được triển khai tại 12 tỉnh, thành phố trong cả nước trong đó có hợp phần tỉnh Thanh Hóa; Dự án dự kiến kết thúc tháng 12/2020.

1.4. Những tồn tại, hạn chế đối với vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm của thành phố hiện nay

Tỉnh ủy, UBND tỉnh rất quan tâm, ưu tiên ngân sách tỉnh đầu tư cho công tác an toàn thực phẩm tuy nhiên thực tế vẫn chưa thể đáp ứng đủ so với yêu cầu về vốn dành cho lĩnh vực đảm bảo an toàn thực phẩm; sản xuất nông nghiệp bị rủi ro, thiên tai, dịch bệnh, giá cả biến động bất thường trong khi đó, sản xuất nông nghiệp, nông dân, nông thôn chiếm tỷ lệ lớn người dân của tỉnh.

Đối với sản xuất trồng trọt, tình trạng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các khâu sản xuất giống, sản xuất phân bón, cơ giới hóa sản xuất còn hạn chế; việc lạm dụng phân bón vô cơ, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) còn khá phổ biến dẫn đến dư lượng tồn dư thuốc bảo vệ thực vật vượt mức cho phép; tỷ lệ sản phẩm qua sơ chế, chế biến còn thấp, tính cạnh tranh của sản phẩm chưa cao.

Đối với sản xuất chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tình trạng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các khâu sản xuất con giống, sản xuất thức ăn, cơ sở nuôi cũng còn hạn chế, việc sử dụng kháng sinh, hóa chất cấm không đúng quy định ở các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa được kiểm soát chặt chẽ.

Tiến độ xây dựng các nhà máy, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm công nghiệp, tập trung còn chậm so với Quy hoạch và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh; việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm của các cơ sở giết mổ thủ công, nhỏ lẻ hiện hữu còn hạn chế.

Việc sản xuất, kinh doanh thịt gia súc còn nhiều khâu trung gian, thương lái thu gom gia súc cung cấp cho các cơ sở giết mổ, các cơ sở giết mổ cung cấp cho các thương nhân kinh doanh ở chợ đầu mối và các thương nhân kinh doanh chợ truyền thống nên việc liên kết hình thành chuỗi chưa nhiều, gặp khó khăn. Còn thiếu các doanh nghiệp mạnh đứng ra làm đầu mối tổ chức các chuỗi liên kết từ khâu sản xuất đến khâu giết mổ, phân phối, kinh doanh tiêu thụ sản phẩm, xây dựng thương hiệu sản phẩm thịt an toàn cho người tiêu dùng.

Trên địa bàn tỉnh còn hệ thống chợ bán lẻ và chợ tạm vẫn còn khá phổ biến; Rau, quả, tôm, cá,... chủ yếu vẫn phần lớn là tiêu thụ tươi nhưng chưa chú trọng đầu tư cơ sở

vật chất, trang thiết bị, công nghệ bảo quản, sơ chế, chế biến, đóng gói để nâng cao giá trị sản phẩm.

Toàn tỉnh đã đầu tư 02 chợ đầu mối Nông sản thực phẩm tại Thành phố Thanh Hóa, huyện Đông Sơn chuyên kinh doanh các mặt hàng thịt gia súc, gia cầm, rau củ quả, thủy hải sản, đối với 01 tỉnh lớn dân số đông như Thanh Hóa thì 02 chợ đầu mối như vậy chưa đáp ứng được nhu cầu. Mặt khác, sau thời gian hoạt động hiện nay 02 chợ đầu mối Nông sản thực phẩm cần phải đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng hệ thống mặt sàn, máy che, quây sạp.

Tỉnh hiện có khoảng 129 chợ kinh doanh nông sản, do hầu hết các chợ đều được xây dựng lâu, nên nhiều chợ đều xuống cấp nên cần đầu tư cải thiện cơ sở hạ tầng về mặt sàn, nhà lợp, hệ thống cấp thoát nước.

Trên cơ sở thực trạng, những nỗ lực đã được giải quyết và những tồn tại, hạn chế đối với vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm của tỉnh Thanh Hóa nêu trên, để có thể thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp, nhằm tác động mạnh đến tất cả các đối tượng tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm nông nghiệp; đặc biệt các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông nghiệp tham gia chuỗi giá trị thực phẩm nông nghiệp an toàn nhằm đảm bảo nguồn thực phẩm an toàn cho người dân và mục tiêu phát triển của tỉnh Thanh Hóa, đặc biệt là Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Được phép của UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Thanh Hóa xây dựng đề xuất Dự án: **“Thực phẩm nông nghiệp an toàn tỉnh Thanh Hóa”**, dự kiến vay vốn của Ngân hàng Thế giới.

2. Nhà tài trợ, vốn vay ưu đãi và tính khả thi của Dự án

2.1. Cơ sở pháp lý của dự án

- Luật quản lý nợ công;
- Luật ngân sách;
- Luật đầu tư công;
- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;
- Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;
- Nghị quyết số 04/NQ-TU, ngày 18/8/2016 của BCH Đảng bộ tỉnh về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đảm bảo vệ sinh ATTP trên địa bàn đến năm 2020;
- Quyết định số 1164/QĐ-BTC ngày 18/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ cụ thể cho tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Công văn số 10050/BTC-QLN ngày 20/8/2018 của Bộ Tài chính về việc công khai thông tin về khung điều kiện vay của 06 Ngân hàng Phát triển trên cổng thông tin điện tử của Chính phủ;

- Công văn số 2054/BNN-HTQT ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tham gia Dự án Thực phẩm Nông nghiệp an toàn Việt Nam (vốn Ngân hàng Thế giới- WB);

2.2. Sự cần thiết sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới (WB)

- Ngân hàng Thế giới (WB) là một tổ chức kinh tế lớn, toàn cầu, trong những năm qua đã có nhiều chương trình, dự án hỗ trợ có hiệu quả đối với cả nước nói chung, tỉnh Thanh Hóa nói riêng, đây là cơ sở để thực hiện thành công Dự án “Thực phẩm nông nghiệp an toàn tỉnh Thanh Hóa”; Hơn nữa Ngân hàng Thế giới có đội ngũ các chuyên gia quốc tế nên có điều kiện để tiếp cận kinh nghiệm, cách thức quản lý và kỹ thuật tiên tiến của thế giới trong công tác đảm bảo thực phẩm nông nghiệp an toàn.

- Tăng cường sự hợp tác quốc tế, thông qua hợp tác với Ngân hàng Thế giới, sự quan tâm của thành phố đối với vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người dân và khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

- Lãi suất vốn vay ưu đãi, thời gian trả nợ và ân hạn dài, tạo sự chủ động ngân sách thành phố đối với trả nợ khoản vay.

- Nội dung Dự án phù hợp với Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

- Được sử dụng vốn vay ưu đãi ODA của Ngân hàng Thế giới đầu tư mới, nâng cấp cải thiện cơ sở hạ tầng phát triển chuỗi giá trị thực phẩm nông nghiệp an toàn để giải quyết những tồn tại, hạn chế đối với vấn đề đảm bảo an toàn thực phẩm tỉnh Thanh Hóa, để thực hiện đồng bộ các nhóm giải pháp, nhằm tác động mạnh đến tất cả các đối tượng tham gia sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm nông nghiệp.

2.3. Khả năng thực hiện của đơn vị được giao

- Sở Nông nghiệp và PTNT đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân thành phố giao và đã thực hiện hoàn thành nhiều dự án sử dụng vốn vay nước ngoài như: Dự án CRSD, Dự án LIFSAP (vốn vay của Ngân hàng Thế giới với hình thức vốn vay IDA ưu đãi), ... trong đó Dự án LIFSAP đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy ban nhân dân thành phố, WB đánh giá cao.

- Qua việc thực hiện các dự án ODA, Sở Nông nghiệp và PTNT đã có đội ngũ cán bộ được đào tạo thực hiện dự án của WB, các tổ chức quốc tế khác và kinh nghiệm, kỹ năng thực hiện các dự án ODA về đấu thầu, quản lý tài chính...vv, bên cạnh đó, các đơn vị trực thuộc Sở như Ban Quản lý Dự án LIFSAP, Chi cục Chăn nuôi và Thú y, Chi cục Trồng trọt và BVTV, Chi cục Thủy sản,... có đội ngũ cán bộ chuyên môn, có đủ năng lực để thực hiện hiệu quả, khả thi các hợp phần chính của Dự án.

III. NỘI DUNG ĐỀ XUẤT

1. Mục tiêu, phạm vi của Dự án

1.1. Mục tiêu chung

Nhằm cải thiện hệ thống và cơ sở hạ tầng về quản lý an toàn thực phẩm, giảm thiểu nguy cơ an toàn thực phẩm, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng, sản lượng trong chuỗi giá trị phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, hướng tới mục tiêu xuất khẩu.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2026

- Nâng cao tỷ lệ sản phẩm nông nghiệp đảm bảo an toàn thực phẩm, cụ thể: Sản lượng các sản phẩm tham gia dự án (thịt heo, thịt bò, sữa bò, rau, quả, nấm, tôm, cá, lươn,...) đảm bảo an toàn thực phẩm chiếm trên 90% tổng nhu cầu tiêu thụ trên địa bàn thành phố.

- Xây dựng các chuỗi sản xuất trong chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản an toàn, gắn với truy xuất nguồn gốc và chỉ dẫn địa lý.

- Cơ bản quản lý được số lượng, chất lượng sản phẩm nông sản thực phẩm: các sản phẩm chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản thịt, rau, củ, quả, thủy sản,... tại các chợ đầu mối nông sản thực phẩm và các chợ truyền thống của các quận, huyện, các cửa hàng tiện ích,... được Dự án hỗ trợ.

- Nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người sản xuất, tiêu dùng về vấn đề an toàn thực phẩm.

- Nâng cao năng lực hệ thống tổ chức quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- Giảm thiểu dịch bệnh và ô nhiễm môi trường gây ra do ngành chăn nuôi, trồng trọt và thủy sản.

1.3. Đối tượng tham gia Dự án

Các đối tượng tham gia bao gồm: nông hộ, tổ hợp tác, hợp tác xã, xí nghiệp, trang trại, doanh nghiệp,... (gọi tắt là cơ sở) liên kết tham gia Dự án và cơ quan, đơn vị liên quan khác.

1.4. Phạm vi của Dự án

Dự án triển khai trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2021 - 2026, trong đó tập trung tại các thành phố, thị xã, các huyện có dư địa phát triển sản xuất nông nghiệp mạnh như Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Cẩm Thủy, Như Xuân, Thường Xuân..., các huyện vệ tinh cung cấp thực phẩm nông nghiệp cho thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn.

1.5 Hợp phần của Dự án:

Dự án có 03 hợp phần chính. Ở từng hợp phần có các hoạt động, và được đầu tư theo các hình thức sau: (i) Sử dụng vốn vay để “Đầu tư mới/nâng cấp”; (ii) “Sử dụng vốn đối ứng (vốn ngân sách của tỉnh) để hỗ trợ”, cụ thể:

1.5.1. Hợp phần 1: Cải thiện cơ sở hạ tầng phát triển chuỗi giá trị thực phẩm nông nghiệp an toàn

a) Tại các vùng, khu sản xuất tập trung:

Đối với vùng, khu sản xuất rau, quả an toàn, ứng dụng công nghệ cao tập trung tại huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Như Xuân, Thường Xuân, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Nông Cống, Đông Sơn, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Yên Định, Nga Sơn, Hậu Lộc:

- Xây mới và nâng cấp cải tạo hệ thống tưới tiêu, tiết kiệm nước và giao thông nội đồng sản xuất rau, quả an toàn, sản xuất ứng dụng công nghệ cao;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên vùng, khu sản xuất ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và tự động hóa vào sản xuất rau an toàn;

- Xây mới và cải tạo hệ thống thu gom và xử lý rác thải nông nghiệp để tái sử dụng và hạn chế ô nhiễm môi trường;

- Xây mới và cải tạo và xây dựng khu thu hoạch, sơ chế, bảo quản và vận chuyển lạnh tập trung có sử dụng năng lượng tái tạo (năng lượng mặt trời);

- Xây dựng cơ sở hạ tầng phát triển hợp tác liên kết sản xuất tiêu thụ rau an toàn bao gồm nhà xưởng, kho tàng, bến bãi phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu thụ;

- Đầu tư, hoàn thiện hệ thống kiểm tra, cảnh báo chất lượng nước tưới phục vụ sản xuất rau an toàn;

- Một số hạng mục hạ tầng liên quan khác.

Đối với vùng, khu chăn nuôi tập trung tại huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Như Xuân, Cẩm Thủy, Thạch Thành, Vĩnh Lộc, Bá Thước, Lang Chánh, Thường Xuân, Yên Định, Triệu Sơn, Nga Sơn, Hậu Lộc, Hà Trung, Quảng Xương, Nông Cống, Nghi Sơn, Như Thanh.

- Đầu tư mới và nâng cấp và xây dựng hệ thống thu gom xử lý chất thải rắn và nước thải chung trong chăn nuôi;

- Xây dựng cơ sở hạ tầng ưu tiên vùng, khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và tự động hóa vào chăn nuôi đảm bảo an toàn sinh học, đảm bảo an toàn thực phẩm;

- Cải tạo hệ thống cấp, thoát nước và phân khu chức năng;

- Cải thiện đường nội bộ đi vào khu chăn nuôi tập trung;

- Một số hạng mục hạ tầng liên quan khác.

- Hỗ trợ xây dựng các cơ sở, chuồng chăn nuôi an toàn dịch bệnh, đáp ứng tiêu chuẩn hướng đến xuất khẩu.

Đối với vùng nuôi trồng thủy sản tập trung tại khu nuôi tôm nước lợ thâm canh tại các huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoàng Hóa, Quảng Xương, Nghi Sơn.

- Xây dựng mới và nâng cấp hệ thống cấp, xử lý và thoát nước cho vùng nuôi trồng thủy sản tập trung;

- Xây dựng mới và nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng;

- Xây dựng mới và nâng cấp khu sơ chế và tiêu thụ tập trung sử dụng năng lượng tái tạo;

- Xây dựng mới và nâng cấp cơ sở hạ tầng ưu tiên vùng, khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao, công nghệ thông minh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo và tự động hóa, hệ thống cảm biến theo dõi môi trường,... vào trong nuôi trồng thủy sản;

- Một số hạng mục hạ tầng liên quan khác.

b) Đầu tư nâng cấp chợ truyền thống kinh doanh các mặt hàng rau, củ quả, thịt gia súc, gia cầm và thủy sản tại một số huyện, thị xã, thành phố như Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn, thị xã Bỉm Sơn, Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Yên Định, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Thạch Thành.

- Nâng cấp, cải thiện mái che, tường, cột, sàn khu vực buôn bán, lối đi trong chợ; quy hoạch lại hệ thống đường dây cung cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống chống sét, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải; cải tạo hệ thống cấp, thoát nước, phân khu chức năng để bố trí, sắp xếp ngành hàng hợp lý, cải tạo nhà vệ sinh.

- Bàn, ghế, dụng cụ sơ chế, treo móc, chứa đựng nông sản, thực phẩm, kệ để tách biệt sản phẩm với sàn chợ.

- Biển hiệu, sơ đồ chỉ dẫn, trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

- Dụng cụ, trang thiết bị đảm bảo an toàn, khử trùng, vệ sinh môi trường.

- Trang thiết bị kiểm tra nhanh các chỉ tiêu ATTP có nguồn gốc hóa học;

- Một số hạng mục hạ tầng liên quan khác.

c) Đầu tư nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm số huyện, thị xã, thành phố trọng điểm có liên kết với chuỗi chăn nuôi như Thành phố Thanh Hóa, thành phố Sầm Sơn, thị xã Nghi Sơn, thị xã Bỉm Sơn, Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Yên Định, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Thạch Thành.

- Nâng cấp, cải thiện mái che, tường, cột, sàn khu vực buôn bán, lối đi trong cơ sở; quy hoạch lại hệ thống đường dây cung cấp điện, hệ thống chiếu sáng, hệ thống chống sét, nâng cấp hệ thống thu gom và xử lý chất thải, nước thải; cải tạo hệ thống cấp, thoát nước, phân khu chức năng để bố trí, cải tạo nhà vệ sinh.

- Bàn, ghế, dụng cụ sơ chế, treo móc, chứa đựng thực phẩm.

- Biển hiệu, sơ đồ chỉ dẫn, trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy.

- Dụng cụ, trang thiết bị đảm bảo an toàn, khử trùng, vệ sinh môi trường.

- Trang thiết bị kiểm tra nhanh các chỉ tiêu ATTP có nguồn gốc hóa học;

- Một số hạng mục hạ tầng liên quan khác.

1.5.2 Hợp phần 2: Nâng cao năng lực, thể chế về quản lý an toàn thực phẩm nông nghiệp

- Đầu tư, xây dựng, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị phòng thí nghiệm Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật phục vụ quản lý an toàn thực phẩm; xây dựng nhà làm việc và đầu tư trang thiết bị Trạm Kiểm dịch động vật Thạch Lâm thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa nâng cao năng lực kiểm định, kiểm tra chất lượng, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, thực vật và thủy sản phục vụ công ích, phúc lợi xã hội;

- Đầu tư mới, nâng cấp hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kết nối từ quận, huyện đến thành phố về hoạt động kiểm soát, cảnh báo nhanh các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm phục vụ công ích, phúc lợi xã hội;

- Đầu tư mới, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị,....quản trị, quản lý, điều hành trang thương mại điện tử dưới dạng (chợ thực phẩm, sàn giao dịch,...), tổ chức chợ phiên nông sản, chợ đầu giá, sàn giao dịch,.....nhằm giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ, kết nối và thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm.

- Đầu tư đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực cho cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý của các trạm, trung tâm phân tích kiểm nghiệm, xét nghiệm và các đơn vị quản lý về an toàn thực phẩm từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã nhằm kiểm soát an toàn thực phẩm, phát hiện cảnh báo nguy cơ và xử lý vi phạm kịp thời;

- Hỗ trợ tổ chức hội thảo, tham quan, truyền thông nâng cao nhận thức, quảng bá, xúc tiến thương mại, năng lực quản lý, nâng cao nhận thức cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về sản phẩm an toàn thực phẩm nông nghiệp;

- Hỗ trợ tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm xây dựng sàn giao dịch, đầu giá nông sản an toàn tại nước ngoài;

- Xây dựng mô hình khu quy hoạch chăn nuôi gà (LPZ) phục vụ xuất khẩu tại huyện Thọ Xuân; Hỗ trợ xây dựng các cơ sở Chăn nuôi đạt chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thực hành chăn nuôi an toàn GAHP; vùng trồng rau, củ, quả an toàn đạt chuẩn VietGap

- Hỗ trợ tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng, bổ sung, điều chỉnh,... các văn bản quản lý, quy chuẩn kỹ thuật,.....nhằm hoàn thiện thể chế về công tác quản lý an toàn thực phẩm nông nghiệp; xây dựng bản đồ số hóa quản lý chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản.

1.5.3. Hợp phần 3: Quản lý dự án

Tập trung vào công tác lập, triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá và điều phối Dự án bao gồm các chi phí xây dựng Dự án, chi phí quản lý Dự án, lương, phụ cấp cho cán bộ thực hiện Dự án, chi phí thiết kế, thẩm tra, thẩm định thiết kế,...phòng cháy chữa cháy, quản lý môi trường.

2. Dự kiến các kết quả chính của dự án

- Có 50-60 vùng sản xuất tập trung được đầu tư, nâng cấp: 6-7 vùng sản xuất rau, 35-40 vùng chăn nuôi, 2-5 vùng nuôi trồng thủy sản.

- Đầu tư nâng cấp 25-30 chợ truyền thống kinh doanh các mặt hàng trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản;

- Đầu tư, nâng cấp 15-20 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm liên kết với khu vực chăn nuôi tập trung.

- Đầu tư xây dựng, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị cho 01 phòng thí nghiệm Trạm CĐXN&ĐTBDV phục vụ quản lý an toàn thực phẩm thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y;

- Có 01 hệ thống ứng dụng công nghệ phần mềm kết nối từ quận, huyện đến thành phố về hoạt động kiểm soát, cảnh báo nhanh các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm phục vụ công ích, phúc lợi xã hội;

- Có 01-02 (chợ thực phẩm, sàn giao dịch,...) chợ phiên nông sản, chợ đấu giá, sàn giao dịch,.....nhằm giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ, kết nối và thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm.

- Có khoảng 1.000 cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý được đào tạo, tập huấn về an toàn thực phẩm từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã nhằm kiểm soát an toàn thực phẩm, phát hiện cảnh báo nguy cơ và xử lý vi phạm kịp thời.

3. Dự kiến thời gian phân kỳ thực hiện thực hiện

- Năm 2019: Công tác chuẩn bị nội dung đề xuất Dự án.

- Năm 2020: Hoàn thành trình đề xuất phê duyệt Dự án và các thủ tục đầu tư, hoạt động sử dụng vốn đối ứng từ Ngân sách thành phố cho Dự án.

- Năm 2021- 2026: Triển khai thực hiện Dự án.

- Năm 2027: Các thủ tục hoàn thành Dự án.

4. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và đề xuất cơ chế tài chính

4.1. Khái toán tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư dự án là 25,86 triệu USD; tương ứng 607.640 triệu VNĐ (tỷ giá hối đoái của NHNN ngày 30/8/2020 Đô la Mỹ tạm tính: 1 USD = 23.500 VNĐ).

4.2. Cơ chế tài chính và dự kiến tiến độ giải ngân

- Chủ quản Dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ chế tài chính cho Dự án: Tỉnh Thanh Hóa vay lại 40% tổng mức đầu tư dự án từ Bộ Tài chính theo quy định.

4.2.1. Cơ chế tài chính

Đối với khoản vay lại:

- Tỷ lệ vay lại vốn vay ODA: Ủy ban Nhân dân tỉnh vay lại 40% nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ với các điều khoản, điều kiện thống nhất như hiệp định ký với nhà tài trợ. Dự kiến tổng giá trị vay lại là 25,86 triệu USD, tương đương 607.490 triệu VNĐ.

- Vốn vay chỉ được sử dụng cho các hoạt động đầu tư phát triển (Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, trang thiết bị.....).

- Theo Văn bản số 10050/BTC-QLN ngày 20/8/2019 của Bộ Tài chính gửi Văn phòng Chính phủ thì điều kiện vay của Ngân hàng Thế giới như sau: Thời hạn khoản vay: 35 năm; kỳ hạn trả nợ trung bình của khoản vay tối đa là 20 năm; Thời gian ân hạn thay đổi nhưng phụ thuộc vào kỳ hạn trả nợ trung bình tối đa là 20 năm; Lãi suất phụ thuộc vào điều kiện thị trường; Mức lãi suất tham khảo thời điểm 21/12/2017 lãi suất cố định khoảng 4,32%/năm; lãi suất thả nổi (i) L.BOR+chênh lệch cố định từ 0.7% đến 1.5% (ii) L.BOR + chênh lệch biến đổi từ 0.46% đến 0.96% phụ thuộc vào kỳ hạn trung bình của khoản vay, lãi suất đã bao gồm một mức sàn là 0 (lãi suất thả nổi phụ thuộc vào đồng tiền đi vay); Phí cam kết: 0,25%/năm (tính trên số tiền chưa giải ngân); Phí thu xếp vốn: 0,25%. Dựa trên đặc điểm Dự án và tình hình ngân sách tỉnh, tỉnh đề xuất cơ chế tài chính đối với khoản vay Dự án như sau:

Điều kiện khoản vay lại:

- Thời gian vay 20 năm bao gồm 7 năm ân hạn gốc và lãi¹.
- Lãi suất vay: tạm tính 4,32%/năm².
- Đối với các khoản phí thanh toán cho nhà tài trợ đề nghị thực hiện theo hình thức thanh toán trực tiếp, không vốn hóa vào giá trị khoản vay³.
- Đối với vốn đối ứng Ngân sách tỉnh: tỉnh tự bố trí vốn đối ứng.

4.2.2. Dự kiến tiến độ giải ngân

Bảng 1: Dự kiến tiến độ giải ngân (Đơn vị: đồng)

STT	Năm	Tỷ lệ giải ngân	Nguồn vốn vay WB (đồng)
1	2021	0%	0
2	2022	5%	30.382
3	2023	15%	91.146
4	2024	20%	121.528
5	2025	20%	121.528
6	2026	30%	182.292
7	2027	10%	60.764
	Tổng	100%	607.640

4.3. Hình thức tổ chức, quản lý Dự án

Hình thức tổ chức, quản lý Dự án được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài.

5. Đánh giá tác động của Dự án

5.1. Dự án tác động tích cực về hiệu quả xã hội

- Đối với phần cải thiện cơ sở hạ tầng phát triển chuỗi giá trị thực phẩm nông nghiệp an toàn tại các vùng, khu sản xuất tập trung rau, quả an toàn, chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao trong Dự án tác động tích cực hỗ trợ phát triển sản xuất rau quả an toàn cho khoảng 60 hợp tác xã, 2.000 nông hộ thành viên trên diện tích canh tác 1.000 ha; chăn nuôi khoảng 100 hợp tác xã, 5.000 hộ chăn nuôi thành viên, tổng đàn khoảng 200.000 con gia súc; nuôi trồng thủy sản khoảng 5 hợp tác xã, 150 hộ nuôi là thành viên, tổng diện tích khoảng 300 ha nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm nông nghiệp an toàn giúp nông dân tăng thu nhập, ổn định đời sống góp phần giữ vững trật tự, an ninh xã hội.

- Đối với đầu tư, nâng cấp chợ truyền thống kinh doanh các mặt hàng nông sản và thủy sản và điểm kinh doanh thức ăn đường phố tham gia Dự án được cải thiện điều kiện kinh doanh chợ nhằm kiểm soát các mối nguy an toàn thực phẩm tại công đoạn lưu thông, phân phối, kinh doanh phục vụ cho người tiêu dùng trong ngoài nước sử dụng được sản phẩm nông sản, thức ăn đảm bảo an toàn thực phẩm và góp phần tích cực việc tạo cảnh quan chợ, điểm kinh doanh thức ăn đường phố sạch, đẹp, văn minh, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Xây dựng và quảng bá hình ảnh của tỉnh đối với vấn đề thực phẩm an toàn, sự quan tâm của tỉnh đối với vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo sức khỏe người dân và khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

- Tăng niềm tin của người dân, của người tiêu dùng, khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế vào sự an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh, những nỗ lực của tỉnh để đảm bảo thực phẩm an toàn.

- Tạo động lực thúc đẩy, thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, nông hộ đầu tư quy mô lớn phát triển ngày càng nhiều nhằm tăng tỉ lệ các sản phẩm nông nghiệp được tiêu thụ đảm bảo an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị (từ sản xuất đến tiêu dùng).

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, giảm thiểu dịch bệnh gây ra trong quá trình sản xuất chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản.

- Liên kết được vùng sản xuất nông nghiệp tập trung gắn với các cơ sở giết mổ công nghiệp, cơ sở thu gom, bảo quản, sơ chế, chế biến và chợ đầu mối nông sản, chợ và điểm kinh doanh cung cấp tiêu thụ lượng sản phẩm lớn có kiểm soát, đảm bảo ATTP cung cấp cho người tiêu dùng nội địa và xuất khẩu.

- Quản lý được các mối nguy về an toàn thực phẩm; Tăng chứng nhận GAP, hữu cơ,.....các sản phẩm tham gia chuỗi giá trị; đồng thời hỗ trợ xúc tiến thương mại sản phẩm nông sản thành phố.

- Nâng cao năng lực hệ thống quản lý nhà nước và tư nhân; nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người sản xuất, người tiêu dùng về an toàn thực phẩm.

- Giảm tỷ lệ mắc/mức độ các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị được Dự án đầu tư, hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống kiểm soát, giám sát nghiêm ngặt.

5.2. Dự án tác động về hiệu quả kinh tế

- Tăng giá trị sản xuất trên cùng diện tích, tạo ra sản phẩm nông sản giá trị gia tăng, tăng năng suất, tăng sản lượng, chất lượng cao đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ đảm bảo sức khỏe cho người tiêu dùng và tăng doanh thu, thu nhập cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân trên địa bàn tỉnh.

- Sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, công nghệ thông minh, công nghệ trí tuệ nhân tạo, tự động hóa mang lại hiệu quả kinh tế cao, phát triển nông nghiệp đô thị theo hướng bền vững trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

- Giảm chi phí y tế từ giảm tỷ lệ mắc bệnh hay bị ngộ độc của người dân về vấn đề liên quan đến thực phẩm.

- Mở rộng thị trường cho các sản phẩm trong chuỗi giá trị, tạo sự liên kết giữa tỉnh Thanh Hóa với các tỉnh lân cận, đặc biệt là tứ giác kinh tế miền Bắc gồm Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa, là tiền đề cho xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Dự án “An toàn thực phẩm nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa” là Dự án có tính chất quan trọng, giúp giải quyết những khó khăn, thách thức đối với quản lý ATTP cho thành phố. Dự án phù hợp với các chính sách, định hướng và các ưu tiên của Đảng, Chính phủ

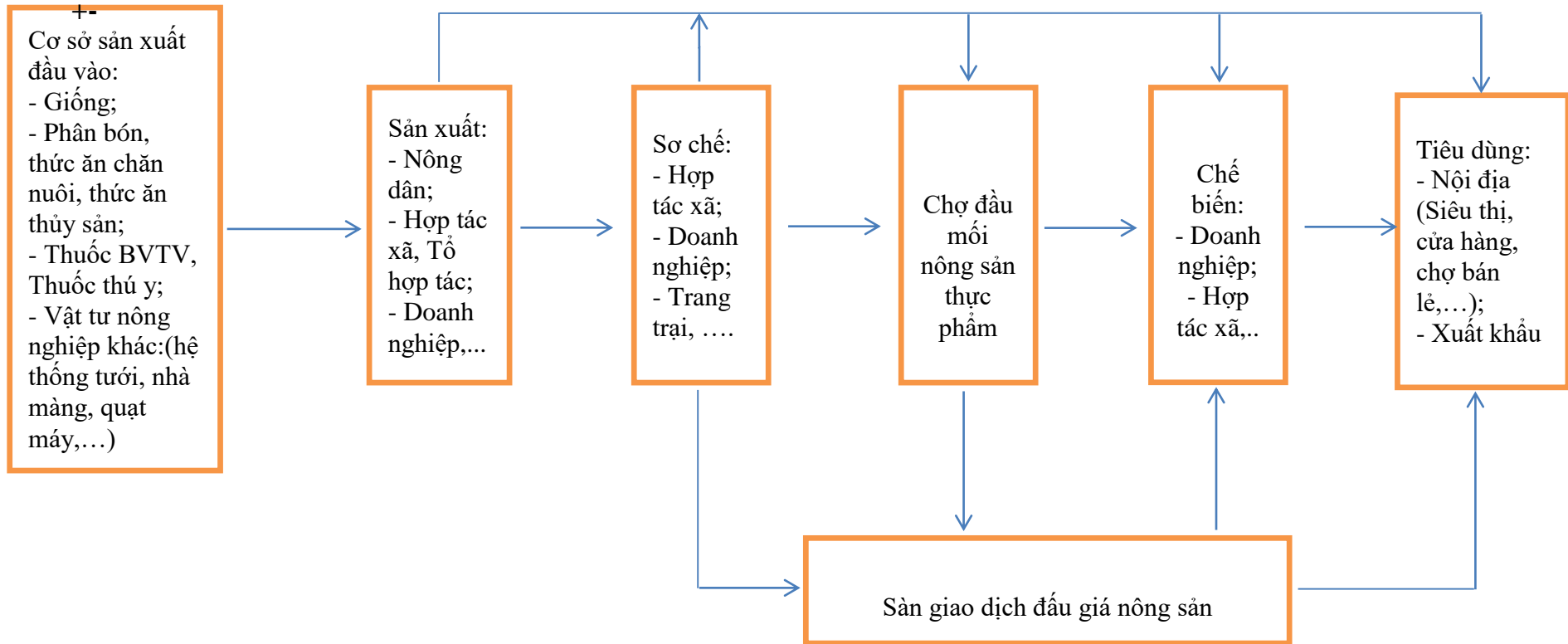
trong phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn tới, đặc biệt là mục tiêu “ xây dựng Thanh Hóa là tỉnh giàu đẹp, văn minh và hiện đại; một trong những trung tâm lớn của vùng Bắc Trung Bộ và cả nước về công nghiệp nặng và chế biến, chế tạo; nông nghiệp giá trị gia tăng cao; dịch vụ logistics, du lịch, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu và văn hóa, thể thao; một cực tăng trưởng mới cùng với Hà Nội, Hải Phòng và Quảng Ninh tạo thành tứ giác phát triển ở phía Bắc của Tổ quốc” theo Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Dự án cũng phù hợp với định hướng ưu tiên cung cấp vốn ODA và nhận được sự quan tâm đặc biệt của nhà tài trợ. Việc triển khai Dự án giúp cải thiện hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, cơ sở hạ tầng và giảm rủi ro an toàn thực phẩm, đồng thời mang lại cơ hội tiếp cận nguồn thực phẩm an toàn và bền vững cho người tiêu dùng. Sau khi Dự án được hoàn thành sẽ cải thiện hệ thống và cơ sở hạ tầng về quản lý an toàn thực phẩm và giảm thiểu nguy cơ an toàn thực phẩm trong các chuỗi giá trị sản phẩm nông nghiệp được lựa chọn, đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa kính đề nghị các Bộ, Ngành xem xét và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét và phê duyệt đề xuất Dự án./.

PHỤ LỤC 1

(đính kèm Dự án)

Sơ đồ chuỗi giá trị Thực phẩm nông nghiệp an toàn tại tỉnh Thanh Hóa



PHỤ LỤC 2: KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Dự án "Thực phẩm nông nghiệp an toàn tỉnh Thanh Hóa"

STT	Hạng mục	Tổng dự toán (Tr. đồng)	Cơ chế đầu tư	Nguồn vốn (Tr.đồng)	
				Vốn vay	Đối ứng NST
Hợp phần 1: Cải thiện cơ sở hạ tầng phát triển chuỗi giá trị thực phẩm nông nghiệp an toàn		499.140		499.140	
I	Tại các vùng sản xuất tập trung:	324.140		324.140	
1	Đối với vùng, khu sản xuất rau an toàn tập trung tại huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Như Xuân, Thường Xuân, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Nông Công, Thiệu Hóa, Triệu Sơn, Nga Sơn, Yên Định,	76.140	Cơ chế đầu tư 100%	76.140	
1.1	Huyện Thọ Xuân	12.290		12.290	
1.2	Huyện Ngọc Lặc	6.450		6.450	
1.3	Huyện Như Xuân	6.450		6.450	
1.4	Huyện Thường Xuân	6.450		6.450	
1.5	Huyện Hoằng Hóa	4.450		4.450	
1.6	Huyện Quảng Xương	4.450		4.450	
1.7	Huyện Nông Công	4.450		4.450	
1.8	Huyện Đông Sơn	4.450		4.450	
1.9	Huyện Triệu Sơn	4.450		4.450	
1.10	Huyện Thiệu Hóa	4.450		4.450	
1.11	Huyện Yên Định	4.450		4.450	

1.12	Huyện Nga Sơn	4.450		4.450	
1.13	Huyện Hà Trung	4.450		4.450	
1.14	Huyện Hậu Lộc	4.450		4.450	
2	Đối với vùng, khu chăn nuôi tập trung	223.000	Cơ chế đầu tư 100%	223.000	
2.1	<i>Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung (LPZ) tại huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc (08 khu, cụm)</i>	95.000		95.000	
2.2	<i>Xây dựng khu, cụm chăn nuôi tập trung (12 khu, cụm)</i>	128.000		128.000	
	Cẩm Thủy (03 khu)	30.000		30.000	
	Thạch Thành (03 khu)	30.000		30.000	
	Như Xuân (02 khu)	20.000		20.000	
	Vĩnh Lộc (01 khu)	8.000		8.000	
	Bá Thước (01 khu)	8.000		8.000	
	Lang Chánh (01 khu)	8.000		8.000	
	Thường Xuân (01 khu)	8.000		8.000	
	Yên Định (01 khu)	8.000		8.000	
	Triệu Sơn (01 khu)	8.000		8.000	
3	Đối với vùng nuôi trồng thủy sản tập trung	25.000	Cơ chế đầu tư 100%	25.000	
	Huyện Nga Sơn, Hậu Lộc, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Nghi Sơn.	25.000		25.000	
II	Đầu tư nâng cấp chợ truyền thông kinh doanh các mặt hàng rau, củ quả, thịt gia súc, gia cầm và thủy sản	140.000	Cơ chế đầu tư 100%	140.000	
1	Thành phố Thanh Hóa (03 chợ)	15.000		15.000	

2	Các huyện còn lại thực hiện nâng cấp 25 chợ trọng điểm.	125.000		125.000	
III	Đầu tư nâng cấp cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm số huyện, thị xã, thành phố trọng điểm có liên kết với chuỗi chăn nuôi như Thành phố Thanh Hóa, thị xã Nghi Sơn, Thọ Xuân, Ngọc Lặc, Yên Định, Vĩnh Lộc, Triệu Sơn, Hoằng Hóa, Quảng Xương, Thạch Thành	35.000	Cơ chế đầu tư 100%	35.000	
1	Thành phố Thanh Hóa	3.500		3.500	
2	Thị xã Nghi Sơn	3.500		3.500	
3	Huyện Thọ Xuân	3.500		3.500	
4	Huyện Ngọc Lặc	3.500		3.500	
5	Huyện Yên Định	3.500		3.500	
6	Huyện Vĩnh Lộc	3.500		3.500	
7	Huyện Triệu Sơn	3.500		3.500	
8	Huyện Hoằng Hóa	3.500		3.500	
9	Huyện Quảng Xương	3.500		3.500	
10	Huyện Thạch Thành	3.500		3.500	
Hợp phần 2: Nâng cao năng lực, thể chế về quản lý an toàn thực phẩm nông nghiệp		83.500		83.500	
1	Đầu tư, xây dựng, mua sắm, nâng cấp trang thiết bị phòng thí nghiệm Trạm Chẩn đoán xét nghiệm và điều trị bệnh động vật phục vụ quản lý an toàn thực phẩm; xây dựng nhà làm việc và đầu tư trang thiết bị Trạm Kiểm dịch động vật Thạch Lâm thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Thanh Hóa nâng cao năng lực kiểm định, kiểm tra chất lượng, chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật, thực vật và thủy sản phục vụ công ích, phúc lợi xã hội	45.500	Cơ chế đầu tư 100%	45.500	
2	Đầu tư mới, nâng cấp hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm kết nối từ quận, huyện đến thành phố về hoạt động kiểm soát, cảnh báo nhanh các mối nguy gây mất an toàn thực phẩm phục vụ công ích, phúc lợi xã hội;	5.000	Cơ chế hỗ trợ 100%	5.000	

3	Đầu tư đào tạo, tập huấn nguồn nhân lực cho cán bộ chuyên môn, cán bộ quản lý của các trạm, trung tâm phân tích kiểm nghiệm, xét nghiệm và các đơn vị quản lý về an toàn thực phẩm từ cấp tỉnh đến cấp huyện và cấp xã nhằm kiểm soát an toàn thực phẩm, phát hiện cảnh báo nguy cơ và xử lý vi phạm kịp thời;	5.000	Cơ chế hỗ trợ 100%	5.000	
4	Hỗ trợ tổ chức hội thảo, tham quan, truyền thông nâng cao nhận thức, quảng bá, xúc tiến thương mại, năng lực quản lý, nâng cao nhận thức cho các đối tượng sản xuất, kinh doanh và người tiêu dùng về sản phẩm an toàn thực phẩm nông nghiệp;	2.000	Cơ chế hỗ trợ 100%	2.000	
5	Xây dựng mô hình khu quy hoạch chăn nuôi gà (LPZ) phục vụ xuất khẩu tại huyện Thọ Xuân, Ngọc Lặc; Hỗ trợ xây dựng các cơ sở Chăn nuôi đạt chứng nhận cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thực hành chăn nuôi an toàn GAHP; vùng trồng rau, củ, quả an toàn đạt chuẩn VietGap	25.000		25.000	
6	Tổ chức các hoạt động nhằm xây dựng, bổ sung, điều chỉnh,... các văn bản quản lý, quy chuẩn kỹ thuật,... nhằm hoàn thiện thể chế về công tác quản lý an toàn thực phẩm nông nghiệp; xây dựng Bản đồ số hóa quản lý chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản kết hợp với quan trắc vùng nuôi	1.000	Cơ chế hỗ trợ 100%.	1.000	
Hợp phần 3: Quản lý Dự án		25.000		25.000	
1	Các chi phí xây dựng Dự án, chi phí quản lý Dự án, lương, phụ cấp cho cán bộ thực hiện Dự án, chi phí thiết kế, thẩm tra, thẩm định thiết kế, phòng cháy chữa cháy, quản lý môi trường....vv	25.000		25.000	
CỘNG TỔNG		607.640		607.640	

